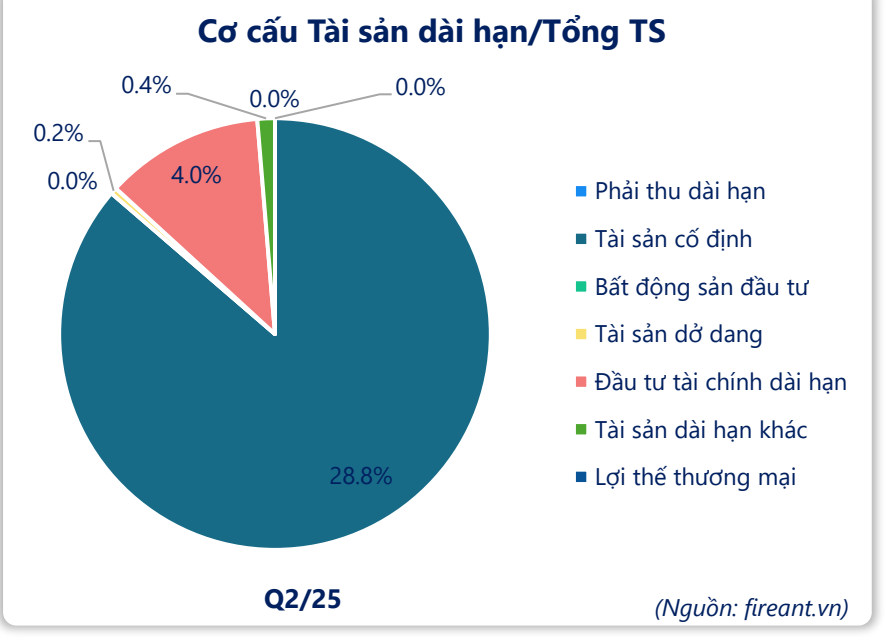
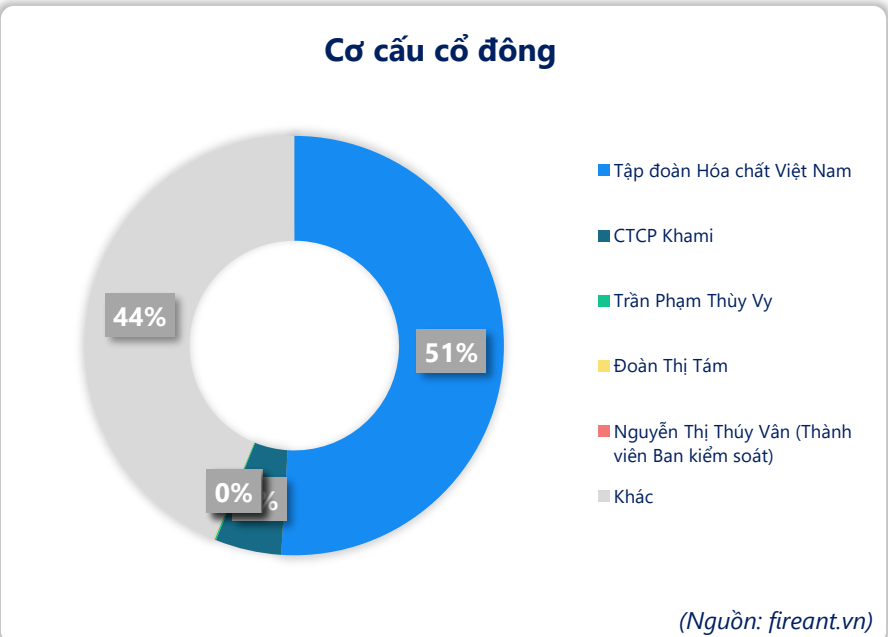
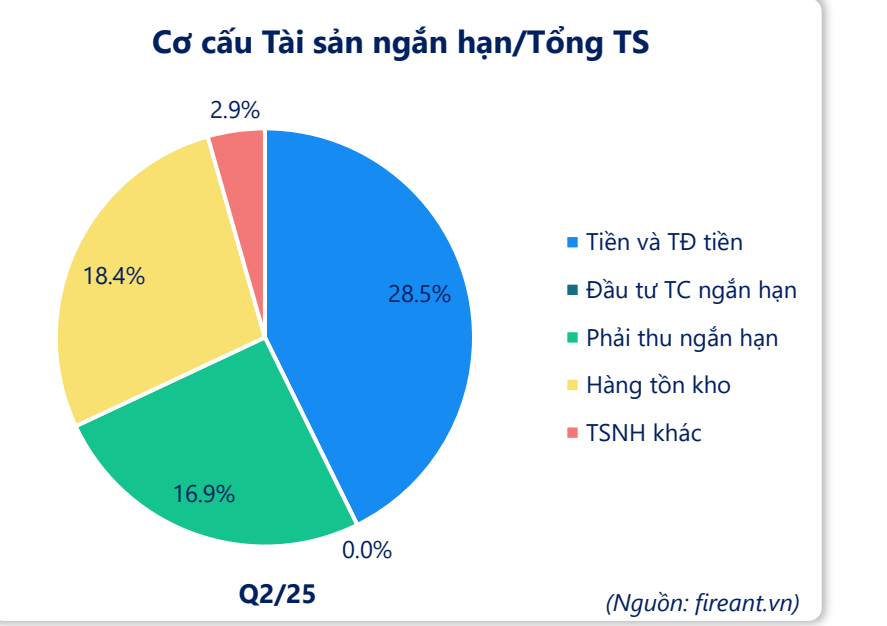
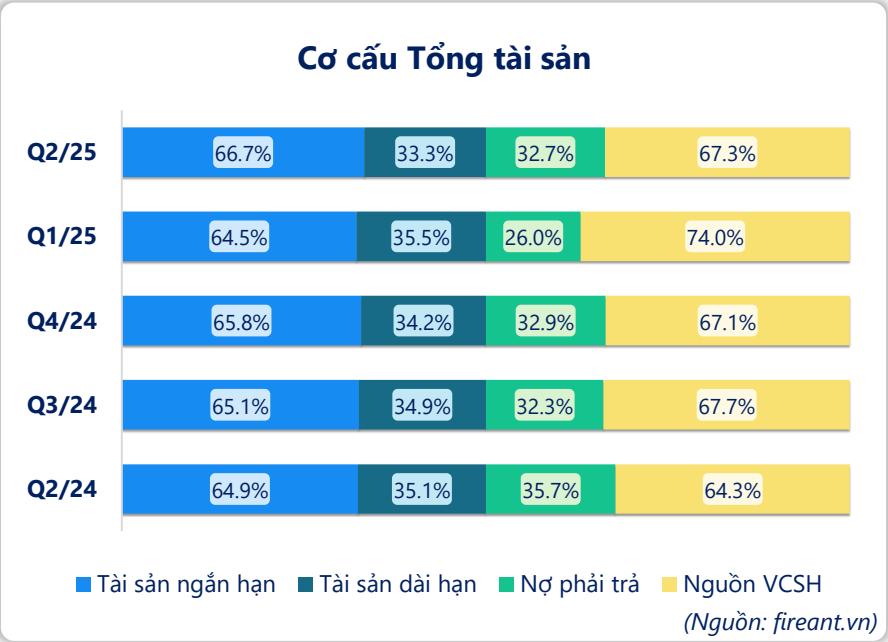
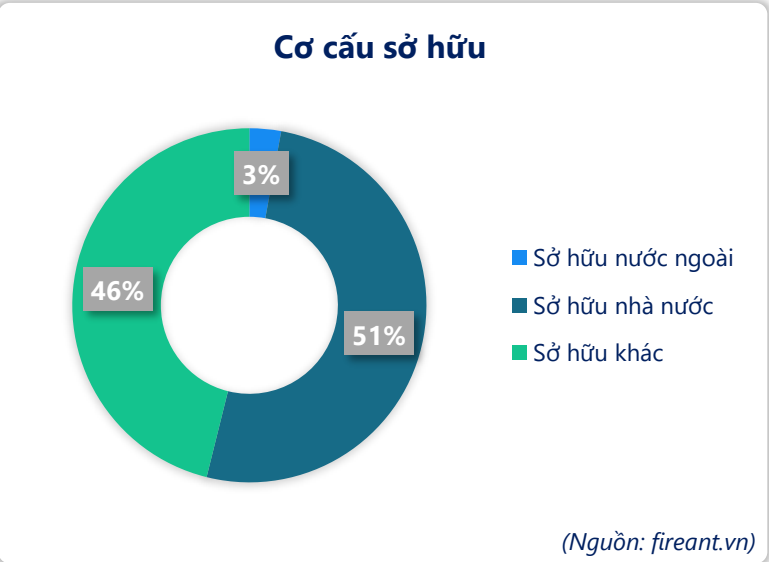
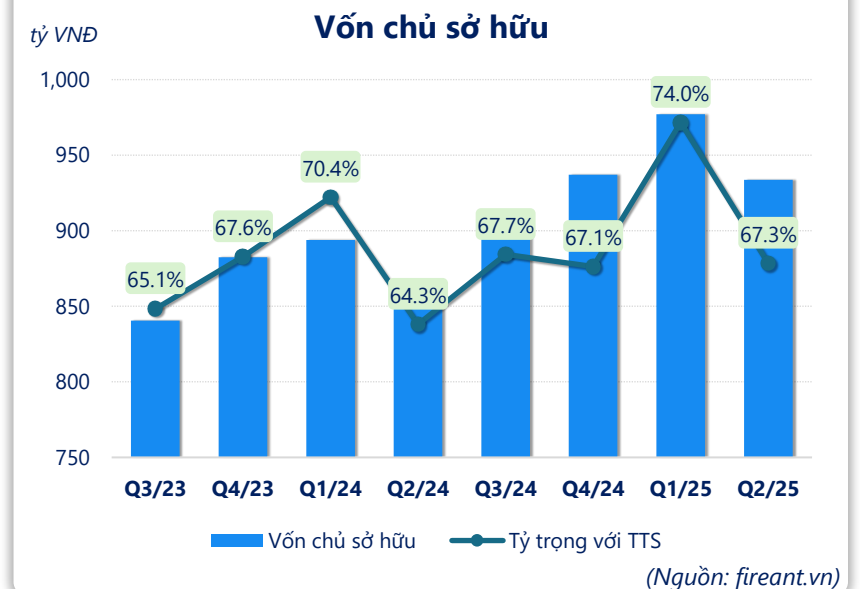
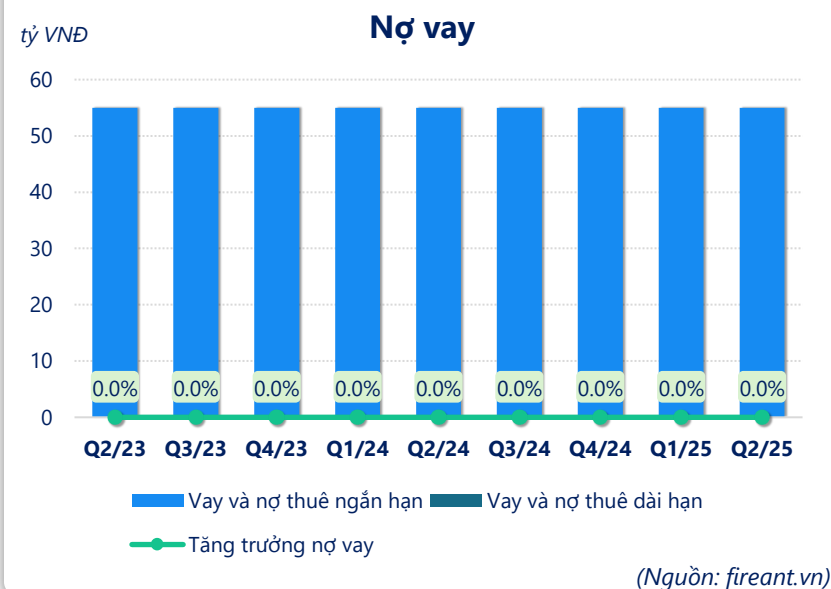
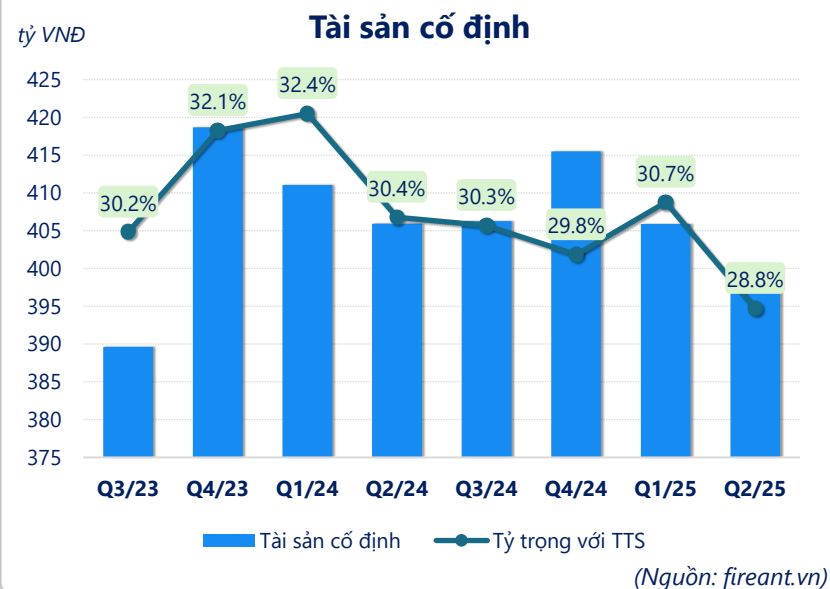
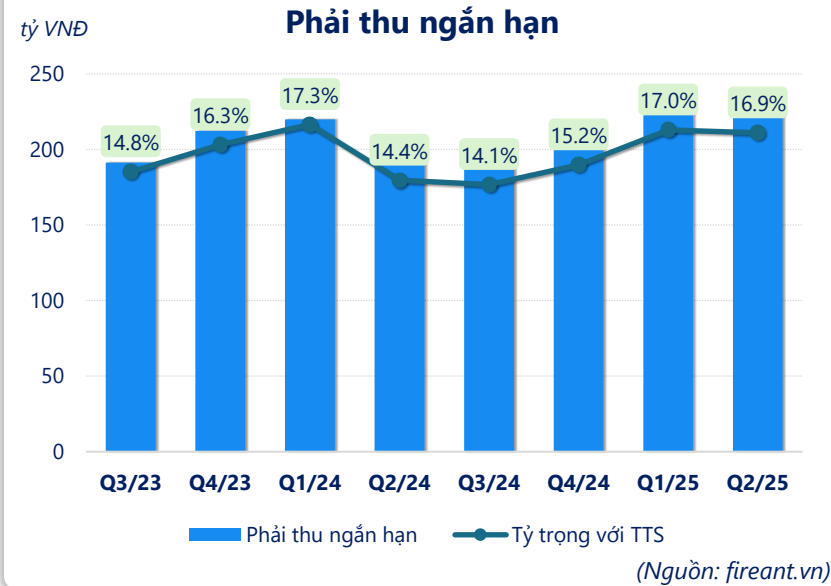
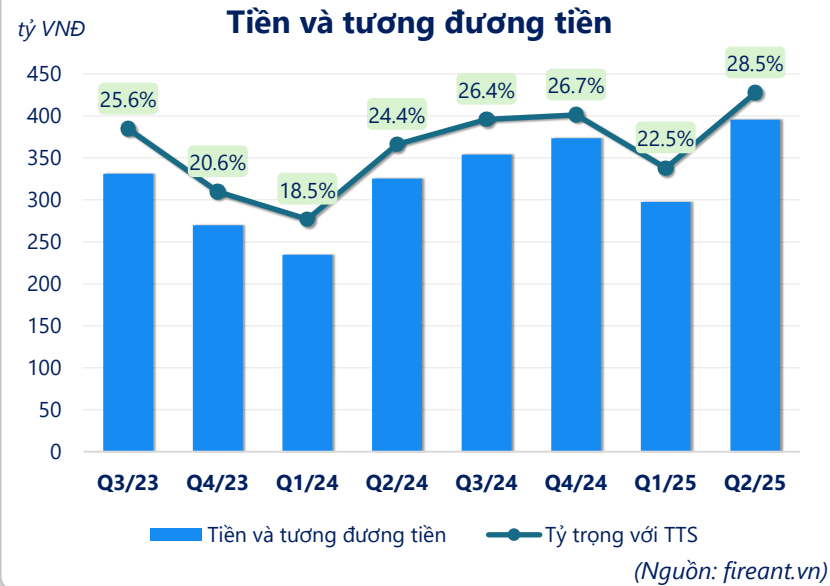
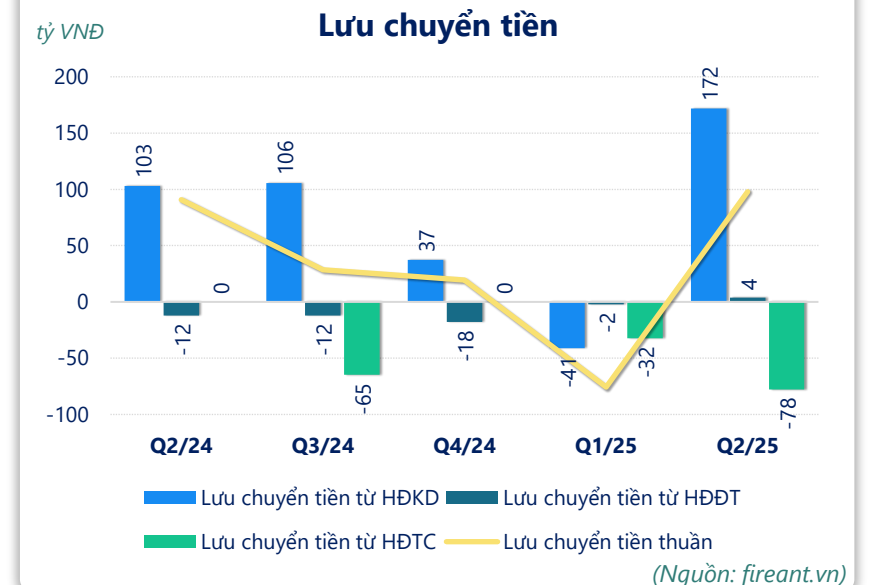
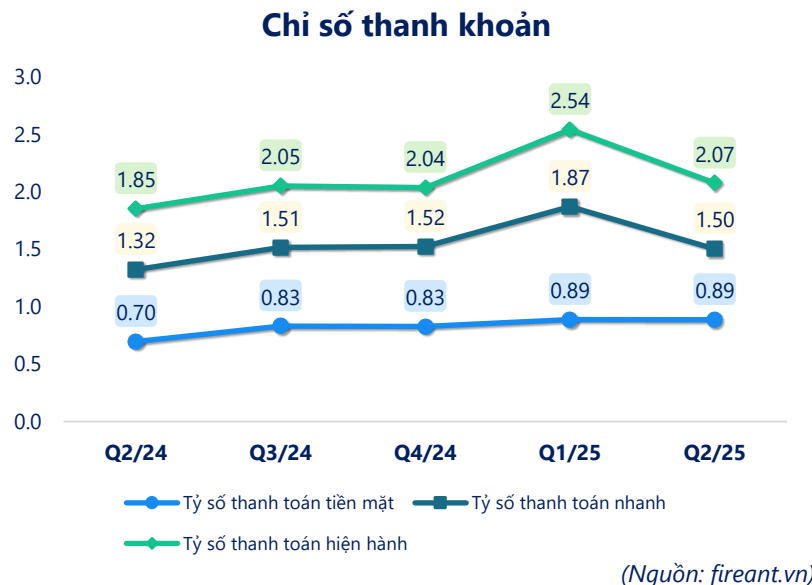
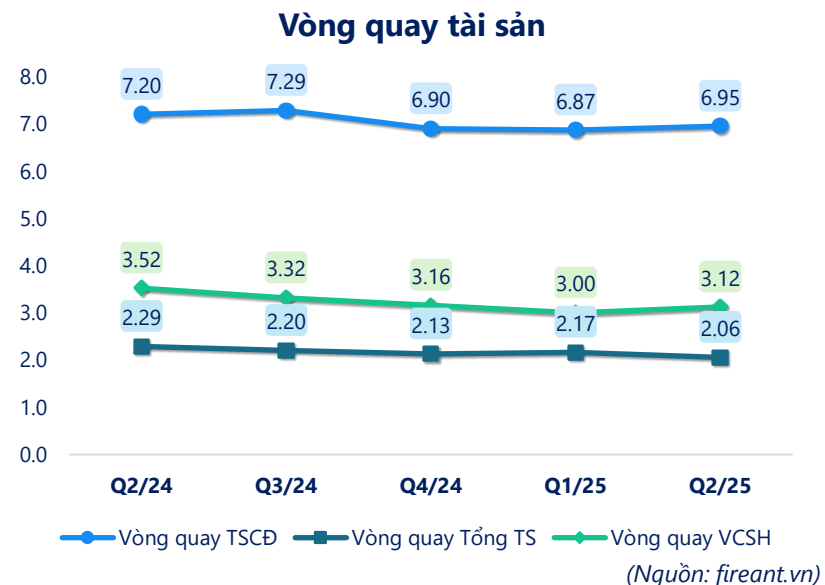
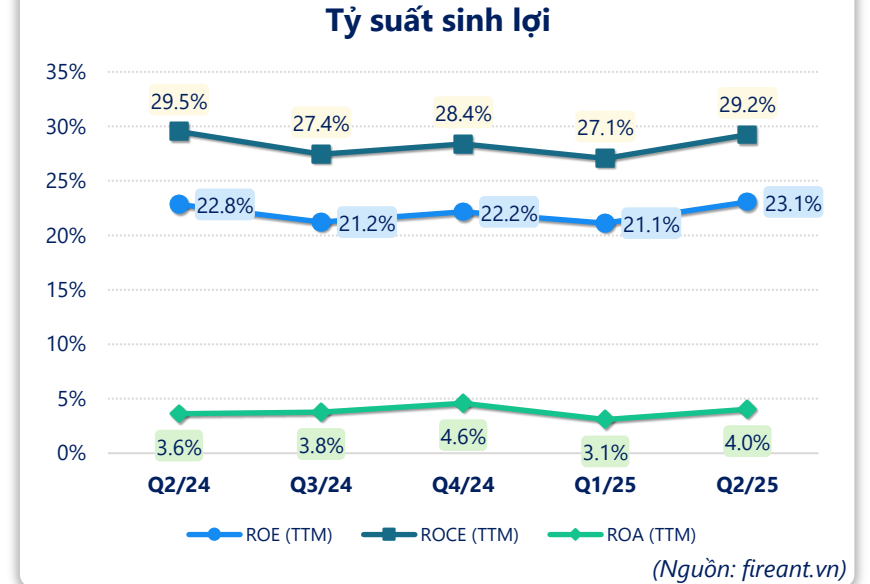
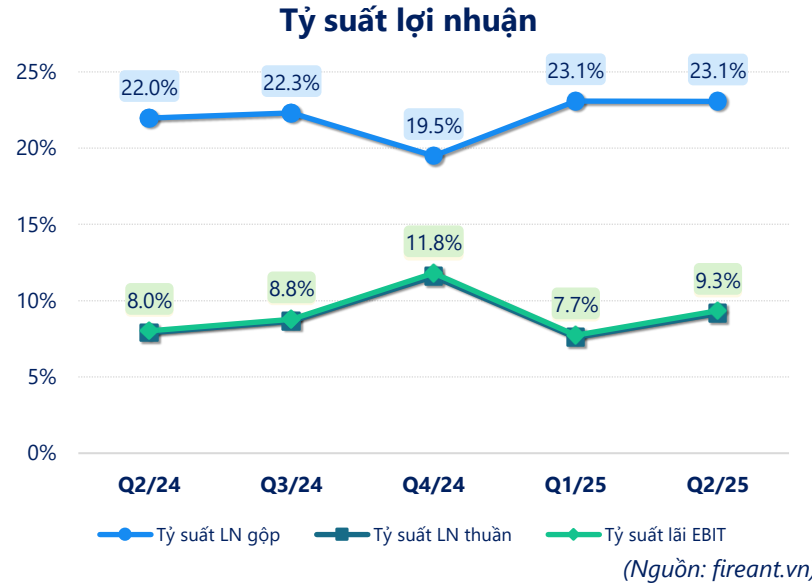
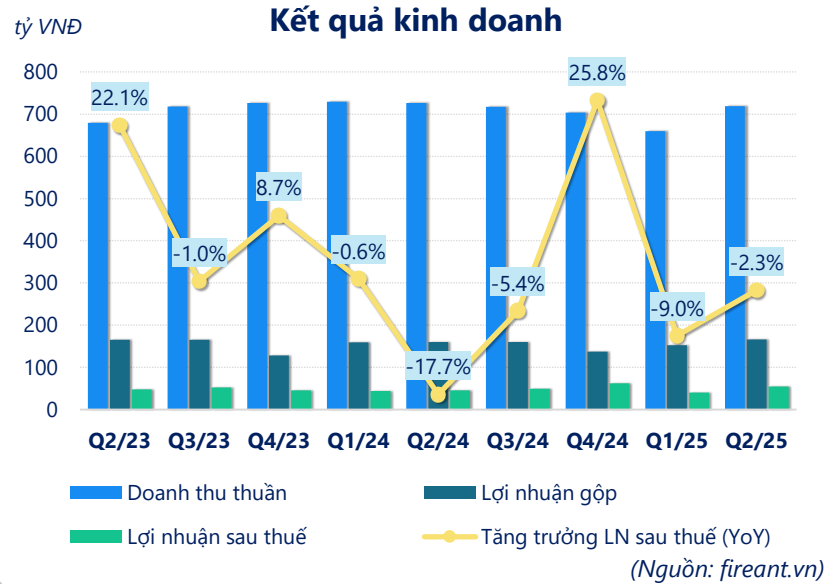


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,977
SL cổ phiếu LH		64,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		53,560
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,983
P/E		9.6
EPS		3,189

	YTD	1T	3T	6T
LIX	-4.8%	6.6%	2.1%	-5.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,388	1,396	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	926	919	0.8%
Tiền và tương đương tiền	395	373	5.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	234	212	10.5%
Hàng tồn kho	255	231	10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	40.9	102	-60.0%
Tài sản dài hạn	463	478	-3.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	399	416	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.25	2.00	12.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	55.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.07	5.41	12.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	455	460	-1.0%
Nợ ngắn hạn	446	451	-1.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	55.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	210	209	0.6%
Nợ dài hạn	8.33	8.41	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	934	937	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	934	937	-0.3%
Vốn điều lệ	648	648	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	726	717	704	660	719
Giá vốn hàng bán	567	557	567	507	553
Lợi nhuận gộp	160	160	137	152	166
Doanh thu HĐTC	3.07	3.97	5.51	4.24	16.0
Chi phí TC	1.52	1.88	1.50	1.18	1.47
Chi phí lãi vay	0.96	0.97	0.97	0.95	0.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	61.9	58.5	19.6	59.9	64.7
Chi phí QLDN	42.0	41.4	40.1	45.3	49.8
LN thuần từ HĐKD	57.3	62.1	81.5	50.1	65.9
Lợi nhuận khác	0.00	-0.08	0.61	0.02	0.31
LN trước thuế	57.4	62.0	82.1	50.1	66.2
Lợi nhuận sau thuế	45.9	49.6	62.0	40.1	55.0
LNST của CĐ cty mẹ	45.9	49.6	62.0	40.1	55.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	103	106	37.2	-41.0	172
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.0	-12.1	-17.9	-2.25	3.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-64.8	0	-32.4	-77.8
Tiền đầu kỳ	234	325	354	373	298
Lưu chuyển tiền thuần	90.8	28.7	19.3	-75.6	97.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.04	0	-0.04
Tiền cuối kỳ	325	354	373	298	395

(Nguồn: fireant.vn)